

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01-2026

Vv: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”
giữa chị Nguyễn Thị Thu L và anh
Phùng Đình G

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bang.

Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Lan;

Bà Vương Thị Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Soan - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Mai Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh ngày 12-7-1988; căn cước công dân số: 060188003518; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Phú Hoà, xã Phan Rí Cửa, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phùng Đình G, sinh ngày 29-11-1984; căn cước công dân số: 036084011836; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ dân phố Giữa An Duyên, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình. Có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 01-12-2025, bản tự khai ngày 12-12-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Đình G tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (nay là Ủy ban nhân dân phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 28-10-2011. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã nhiều lần hoà giải, hàn gắn nhưng không thành dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Chị nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh Phùng Đình G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phùng Đình N, sinh ngày 21-8-2012 và Phùng Thị Bảo T, sinh ngày 30-3-2017. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Phùng Thị Bảo T và đề nghị giao con Phùng Đình N cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 16-12-2025, và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Phùng Đình G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, thời gian kết hôn anh trình bày thống nhất như chị Nguyễn Thị Thu L. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh Phùng Đình G trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh xác định vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Phùng Đình N, sinh ngày 21-8-2012 và Phùng Thị Bảo T, sinh năm 2017. Anh có nguyện vọng được nuôi con Phùng Đình N và đề nghị Tòa án giao con Phùng Thị Bảo T cho chị Nguyễn Thị Thu L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Vợ chồng anh không có tài sản và nghĩa vụ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh đang đi làm ở xa không đến Tòa án làm việc được, nên anh đề nghị Tòa án được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án và được xét xử vắng mặt.

3. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 20-12-2025 cháu Phùng Đình N có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

4. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 15-12-2025 cháu Phùng Thị Bảo T có nguyện vọng được ở cùng với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

5. Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 17-12-2025 chính quyền địa phương nơi anh Phùng Đình G, chị Nguyễn Thị Thu L sinh sống xác nhận: Vợ chồng anh Phùng Đình G, chị Nguyễn Thị Thu L cư trú tại tổ dân phố Giữa An Duyên, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị L đã bỏ đi nơi khác sinh sống từ khoảng 1 năm trước. Chị L, anh G có 2 con chung là cháu Phùng Đình N, sinh năm 2012 và cháu Phùng Thị Bảo T, sinh năm 2017. Cháu Trâm đã đi theo mẹ còn cháu Ngọc hiện đang sống cùng với bố và ông bà nội.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Thu L và anh Phùng Đình G đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị L và anh G.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu L và anh Phùng Đình G giao con chung là Phùng Đình N, sinh ngày 21-8-2012 cho anh Phùng Đình G trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Phùng Thị Bảo T, sinh ngày 30-3-2017 cho chị Nguyễn Thị Thu L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L và anh G không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu L, anh Phùng Đình G không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu L phải nộp án phí theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 để tuyên quyền kháng cáo cho nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Thu L có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề ly hôn và nuôi con chung với anh Phùng Đình G. Xét thấy tranh chấp giữa chị L và anh G là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Phùng Đình G cư trú tại tổ dân phố Giữa An Duyên, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

[1.3] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu L và bị đơn là anh Phùng Đình G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 xét xử vắng mặt chị L và anh G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Phùng Đình G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (nay là Ủy ban nhân dân phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 28-10-2011 nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chị L và anh G phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng lại không có biện pháp giải quyết nên mâu thuẫn dẫn đến việc chị L đã bỏ đi nơi khác sinh sống, vợ chồng sống ly thân, anh G xác nhận vợ chồng không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn với chị L. Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị L và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu L và anh Phùng Đình G theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phùng Đình N, sinh ngày 21-8-2012 và Phùng Thị Bảo T, sinh ngày 30-3-2017. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Phùng Thị Bảo T và đề nghị giao con Phùng Đình N cho

anh G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh G có cùng quan điểm với chị L. Cháu Bảo Trâm cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Cháu Ngọc có nguyện vọng được ở cùng với bố. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Bảo Trâm hiện đang ở cùng với chị L. Cháu Ngọc hiện đang ở cùng với anh G Để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phùng Thị Bảo T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phùng Đình N cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thu L, anh Phùng Đình G không yêu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu L, anh Phùng Đình G không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu L và bị đơn anh Phùng Đình G được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu L và anh Phùng Đình G.

2. Về giao nuôi con chung:

- Giao cho chị Nguyễn Thị Thu L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phùng Thị Bảo T, sinh ngày 30-3-2017; Giới tính: Nữ.

- Giao cho anh Phùng Đình G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phùng Đình N, sinh ngày 21-8-2012; Giới tính: Nam.

Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Phùng Đình G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003551 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Phùng Đình G có quyền kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Nguyễn Thị Thu L và anh Phùng Đình G có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND KV7 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND P. Thành Nam, tỉnh Ninh Bình
(UBND xã Đại An, H. Vụ Bản, T. Nam Định cũ) đk ngày 28-10-2011;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Bang

